**Nội dung công việc kế toán cần làm vào cuối năm tài chính và đầu năm sau**

**1. Đối chiếu công nợ:**

Nếu công nợ có sự chênh lệch cần tìm ra nguyên nhân chênh lệch: Do người mua hay người bán hạch toán thiếu. Cái này rất quan trọng bởi vì nếu các bạn hạch toán không kịp thời có thể có rủi ro về thuế (ví dụ: Doanh thu ghi nhận muộn thì Thuế truy thu thuế tương ứng bởi phần doanh thu ghi nhận thiếu năm 2019, Nếu chi phí năm 2019 mà các bạn ghi nhận năm 2020 thì chi phí đó không đúng kỳ dẫn tới rủi ro thuế loại trừ chi phí của năm 2020).

**2. Xác định công nợ phải thu khó đòi và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định:**

Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng: 30%, từ 1 năm tới dưới 2 năm: 50%; từ 2 năm tới dưới 3 năm: 70%; từ 3 năm trở lên, trích lập đủ 100%. Hạch toán: Nợ TK 642/Có Tk 229. Hồ sơ trích lập dự phòng các bạn tham khảo TT 48 năm 2019

**3. Tài sản:**

Thực hiện các công tác kiểm kê tài sản. Nguyên tắc kiểm kê tại ngày 31/12/2019 tuy nhiên thực tế đơn vị có thể kiểm kê trước hoặc sau ngày 31/12, sau đó điều chỉnh theo số liệu theo thực tế phát sinh trong thời gian kiểm kê cho tới thời điểm kết thúc niên độ. Hầu hết các doanh nghiệp trên biên bản kiểm kê vẫn chốt số liệu kiểm kê là ngày 31/12/2019 mặc dù thực tế có thể khác.

**4. Xác định hàng tồn kho hư hỏng, giảm giá trị…để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Bảng trích lập, xác định HTK giảm giá trị làm cơ sở trích lập phải chi tiết rõ Tài khoản, tên HTK, mã hàng. Thông thường đơn vị chi tiết ngay trên biên bản, báo cáo kiểm kê.

Hạch toán nợ 632/Có 229 (phần chênh lệch giữa số phải lập cuối năm với số đã trích lập)

5. **Hồ sơ trích lập dự phòng HTK** phải chặt chẽ theo TT 48, nếu ko đáp ứng yêu cầu của TT 48 thì rủi ro bị loại trừ chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho là cao.

6. **Xử lý chênh lệch giữa kiểm kê và sổ sách**

7. **Kế toán lưu ý xem số dư tiền mặt lớn không**? để xác định tính hợp lý của chi phí lãi vay. Nếu số dư tiền mặt lớn mà có phát sinh lãi vay thì lãi vay khả năng bị loại trừ chi phí lãi vay

8. **Đối chiếu xác nhận số dư ngân hàng**: nguyên tắc phải khớp. Hình thức đối chiếu có thể gửi thư xác nhận hoặc đối chiếu qua sổ phụ ngân hàng

9. **Trích trước các khoản chi phí phải trả** (những khoản chi phí đã phát sinh nhưng chưa đủ chứng từ, chi phí lãi vay dự trả…). Bút toán: Nợ TK 6xx/Có TK 335. Sang năm có chứng từ thì hoàn lại Nợ 335/Có TK liên quan: 111,112,331…)

10. **Hạch toán lãi dự thu** nếu có khoản tiền gửi tiết kiệm, bút toán nợ TK 1388/Có TK 515. Sang năm nhận lãi hạch toán lại : Nợ 112/Có 138 rồi hạch toán thêm phần lãi chưa hạch toán dự thu, nợ 112/Có 515

11. Chạy phân bổ khấu hao, phân bổ TK 242 của tháng 12 (nếu bạn thống nhất phân bổ theo hằng tháng)

12. **Chạy giá hàng tồn kho tháng/quý/năm:** tùy DN áp dụng nhất quán như thế nào thì chạy như thế đó

13. **Đăng ký mã số thuế cá nhân** cho những ai chưa đăng ký, hồ sơ người phụ thuộc (nếu có) để quyết toán thuế TNCN: Lưu ý cá nhân cư trú/không cư trú (không cư trú thường là người nước ngoài, các bạn tham khảo TT 111 để rõ hơn về khái niệm cư trú và không cư trú) ; điều kiện ủy quyền quyết toán. Lưu ý đặc biệt, cá nhân làm 2 nơi hoặc có nơi vãng lai nhưng nơi vãng lai chưa khấu trừ 10% hoặc tổng thu nhập bình quân nơi vãng lai trên 10 triệu/tháng thì ko thuộc điều kiện ủy quyền quyết toán.

14. **Đánh giá chênh lệch tỷ giá** các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như tiền, công nợ. Lưu ý ko đánh giá các khoản ứng trước như dư có TK 131, dư nợ TK 331 (trừ khi hợp đồng kinh tế bị hủy ngang), sở dĩ TT 200 không quy định đanh giá các khoản số dư ứng trước là vì công nợ ứng trước không được hoàn trả bằng tiền mà là bằng hàng hóa và dịch vụ.

Nếu lỗ hạch toán: Nợ 413/Có 131, 331,111,112…

Nếu lãi hạch toán: Nơ 131,331,111,112/Có 413…

Sau khi hạch toán xong xuôi, số dư 413 còn bao nhiêu thì hạch toán kết chuyển sang 515 hoặc 635

Lưu ý: Lãi/lỗ do đánh giá tiền và các khoản phải thu là không tính thuế nên khi quyết toán thuế TNDN cần tách rõ lãi/lỗ của khoản này ra khỏi lãi/lỗ của việc đánh giá số dư ngoại tệ phải trả.

15. **Nộp tờ khai thuế** tháng 12/2019 hoặc quý IV/2019: hạn ngày 20/01 nếu khai tháng, ngày 30/01/2020 nếu kê theo quý: Thuế GTGT, TNCN,Báo tình hình sử dụng hóa đơn v.v…Việc xác định kê khai theo tháng hay quý các bạn lưu ý các từ khóa : kỳ áp dụng 3 năm, Liên quan thuế GTGT ghi nhớ mốc 50 tỷ, liên quan thuế TNCN lưu ý mốc 50 triệu tiền thuế khấu trừ (tuy nhiên nếu thuế GTGT kê theo quý thì thuế TNCN chắc chắn kê khai tạm tính theo quý, khi Thuế GTGT kê khai theo tháng thì khi đó mới xét mốc 50 triệu)

16. **Đầu năm 2020 nộp phí môn bài**, deadline 30/01/2020, nếu từng nộp tờ khai một lần rồi thì giờ ko cần nộp nữa nếu không có sự thay đổi về mức đóng.

17. **Kết chuyển kết quả kinh doanh**, sử dụng TK 911: Bút toán: Nợ 511,515,711/Có 911; Nợ 911/Có 632,635,641,642,811…Phần dư còn lại trên 911 kết chuyển vể TK 421: Nguyên tắc các tài khoản từ loại 5 trở đi thì ko có số dư cuối kỳ.

18. **Xác định chi phí không hợp lý hợp lệ để đưa vào B4 khi quyết toán thuế TNDN**: Nên tổng hợp thành một file excel lưu lại đề phòng sau này cần xem lại: nhiều kế toán sau này thuế về kiểm tra yêu cầu cung cấp thì ko biết trước đây mình đã loại trừ những chi phí gìà Thiệt cho doanh nghiệp nếu cơ quan thuế loại trừ trùng lần nữa.

19. **Xác định thu nhập miễn thuế**, các khoản giảm trừ thu nhập tính thuế khác như cổ tức, lãi chia từ lợi nhuận sau thuế khác, thu nhập từ đánh giá CLTG từ các khoản tiền và phải thu…(nên lưu file excel lại hoặc ghi rõ trong thuyết minh báo cáo tài chính)

20. **Quyết toán thuế TNDN** (hạn 90 kể từ năm kết thúc năm tài chính), lưu ý đối với công ty có vốn FDI/đại chúng/niêm yết phải có Báo cáo kiểm toán. Hạch toán thuế: Nợ 821/Có 3334

21. **Quyết toán thuế TNCN** (hạn 90 kể từ năm kết thúc năm tài chính)

22. **Làm Báo cáo Tài chính cho năm 2019** ( Với DN áp dụng theo TT 200: Bảng CĐKT, KQKD, LCTT, Thuyết minh, còn đối với DN Áp dụng TT 133 cần thêm Bảng CĐ tài khoản khi nộp cho cơ quan thuế, còn LCTT thì khuyến khích nhưng không bắt buộc)

23. **Nộp các loại thuế sau khi trừ đi các khoản thuế đã tạm nộp trước**, hạn nộp thuế cũng là hạn nộp tờ khai. Ví dụ VAT hạn nộp tờ khai ngày 20 tháng sau thì ngày 20 cũng là ngày cuối cùng phải nộp thuế, nếu nộp thuê sau ngày này các bạn sẽ bị phạt chậm nộp thuế

24. **Nộp các loại báo cáo**,Thống kê khác nộp cho các cơ quan liên quan

25**. Rà soát lại sổ sách,** cái này các bạn tham khảo bài viết 71 đầu mục công viêc kế toán mà Sáng Nguyễn từng viết nhé